

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1408.01/2018/TB-ACM

V/v: Báo cáo tài chính đã soát xét bán niên
năm 2018 của kiểm toán

Bắc Giang, ngày 14 tháng 08 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA UBCKNN VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường**
Trụ sở chính: Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0240 222 6669 Fax: 0240 222 6669
Mã chứng khoán: ACM
Người công bố thông tin: Phạm Thị Thúy Hạnh
Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính văn phòng, tổng hợp đã soát xét bán niên năm 2018 của Kiểm toán
- Bản giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán

Thông tin này được công bố trên trang điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2018 tại Website: acuonggroup.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN


PHẠM THỊ THÚY HẠNH

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Tháng 08 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6-7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-31

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100511368, thay đổi lần thứ 25 ngày 14 tháng 06 năm 2018. Doanh nghiệp đăng ký chuyển sang Công ty cổ phần ngày 16 tháng 09 năm 2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: A CUONG MINERAL GROUP JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AC GROUP ., JSC.

Mã chứng khoán niêm yết: ACM

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Gốc Gạo , Xã Cẩm Đàn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường là: **510.000.000.000 đồng** (Năm trăm mười tỷ đồng chẵn).

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ
Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Thành viên
Bà Vũ Thị Thu Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên
Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên
Ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Doan	Trưởng ban kiểm soát
Bà Đinh Ngọc San	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên
Ban Giám đốc	
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Tổng Giám đốc
Kế toán Công ty	
Ông Nguyễn Văn Quyết	Phụ trách kế toán

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 155/2015 TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và Đại diện pháp luật của Công ty,



Phạm Thị Thủy Hạnh
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 14 tháng 08 năm 2018 -

Số: 648/2018/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2018, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại phần thuyết minh số 5.4 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 30/06/2018, số dư phải thu tạm ứng của các cá nhân để thực hiện triển khai một số dự án đầu tư mới và tìm kiếm các cơ hội đầu tư là ông Nguyễn Xuân Thanh, bà Phạm Thúy Hạnh, và bà Phạm Thị Minh Nguyệt với tổng số tiền 17.200.000.000 đồng (số dư tại ngày 01/01/2017 là 14.200.000.000 đồng). Tuy nhiên chúng tôi chưa được tiếp cận với các hồ sơ tài liệu đã được Hội đồng quản trị thông qua liên quan đến các dự án này như: Dự toán dự án đầu tư, quyết định phê duyệt dự án, phê duyệt tạm ứng cũng như kế hoạch chi tiết về việc chi tiêu phục vụ dự án và thời hạn hoàn ứng ... đối với các khoản công nợ trên. Do vậy chúng tôi không thể đánh giá tính hợp lý của việc sử dụng đúng mục đích của các khoản tạm ứng nêu trên, đồng thời cũng không đủ cơ sở để xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư của các khoản mục này hay không.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán, Văn phòng thực hiện thanh toán cho nhà cung cấp bằng tiền mặt với tổng số tiền 5.436.391.400 đồng. Do đó, Văn phòng Công ty sẽ không được khấu trừ thuế Giá trị gia tăng đầu vào đối với các hóa đơn mua hàng có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thanh toán bằng tiền mặt là 494.217.400 đồng, số thuế này sẽ được ghi nhận vào chi phí và sẽ không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó ảnh hưởng lợi nhuận sau thuế trong kỳ giảm với giá trị tương ứng.

Công ty chưa thực hiện theo dõi và phân tích tuổi nợ đối với các khoản nợ phải thu, phải trả đang trình bày trên Báo cáo tài chính để làm cơ sở trích lập dự phòng. Kiểm toán viên chưa đủ cơ sở để ước tính giá trị dự phòng cần trích lập đối với một số khoản công nợ phải thu không biến động từ năm trước như nợ phải thu của Công ty TNHH MTV Thương Mại tổng hợp Xuất nhập khẩu Thảo Anh số tiền 128.453.800 đồng, khoản trả trước cho Công ty TNHH MTV Xây lắp Bắc Giang số tiền 500.000.000 đồng.

Kết luận ngoại trừ

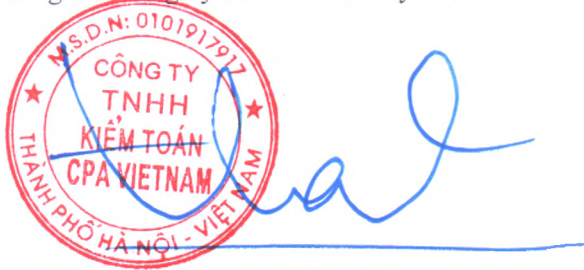
Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán tại Hà Nội, Báo cáo soát xét độc lập số 01/2017 /BCKT/BCTC- CNCPAHANOI phát hành ngày 28 tháng 7 năm 2017 không đưa ra kết luận ngoại trừ.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán tại Hà Nội, Báo cáo kiểm toán độc lập số 07/2018/ CNCPAHANOI/BCKT-BCTC ngày 28/03/2018 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với khoản nợ được thanh toán bằng tiền mặt cho nhà cung cấp 4,8 tỷ đồng dẫn đến số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ là 480 triệu đồng, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế bị giảm đi tương ứng là 480 triệu đồng.

Ngoài ra, Báo cáo này còn nêu Vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến việc trình bày số vốn điều lệ trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017 là 510 tỷ đồng, khác với số vốn điều lệ Công ty đang đăng ký là 560 tỷ đồng trên đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 ngày 14/12/2016.



Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

	MS	TM	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.054.328.471	252.434.256.151
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	1.840.258.776	1.345.574.387
1. Tiền	111		1.840.258.776	1.345.574.387
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.014.543.971	151.232.619.592
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	82.125.076.402	72.418.645.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	1.820.907.000	1.536.500.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		78.071.190.321	80.276.008.019
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	17.200.000.000	14.204.095.723
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(17.202.629.752)	(17.202.629.752)
III. Hàng tồn kho	140		100.880.678.203	98.510.774.194
1. Hàng tồn kho	141	5.05	100.880.678.203	98.510.774.194
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.318.847.521	1.345.287.978
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.318.847.521	1.345.287.978
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		389.033.850.136	399.586.767.608
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		43.484.000.000	43.484.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	43.484.000.000	43.484.000.000
II. Tài sản cố định	220		236.794.181.324	247.158.132.847
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	236.794.181.324	247.158.132.847
- Nguyên giá	222		317.502.853.006	317.502.853.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.708.671.682)	(70.344.720.159)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		58.057.523.952	58.057.523.952
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.06	58.057.523.952	58.057.523.952
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		50.000.000.000	50.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.09	50.000.000.000	50.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		698.144.860	887.110.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.07	698.144.860	887.110.809
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		655.088.178.607	652.021.023.759

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

	MS	TM	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		138.852.392.803	133.416.766.081
I. Nợ ngắn hạn	310		77.382.717.684	87.947.359.503
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.865.131.506	7.897.197.085
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	4.765.390.489	3.976.630.172
3. Phải trả người lao động	314		468.000.000	402.730.772
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	15.652.055.671	11.488.907.933
5. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		9.680.109.043	4.089.594.025
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	25.990.705.067	25.960.705.067
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	17.037.325.908	33.037.594.449
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		924.000.000	1.094.000.000
II. Nợ dài hạn	330		61.469.675.119	45.469.406.578
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	61.469.675.119	45.469.406.578
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		516.235.785.804	518.604.257.678
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	516.235.785.804	518.604.257.678
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		510.000.000.000	510.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		510.000.000.000	510.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.800.000.000	1.800.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.435.785.804	6.804.257.678
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		6.804.257.678	30.091.126.597
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(2.368.471.874)	(23.286.868.919)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		655.088.178.607	652.021.023.759

Bắc Giang, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Đinh Ngọc San

Nguyễn Văn Quyết



Phạm Thị Thủy Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018


CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	8.824.028.000	11.279.689.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.824.028.000	11.279.689.000
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	5.773.149.489	7.632.913.567
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.050.878.511	3.646.775.433
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		31.897	38.381
7. Chi phí tài chính	22	6.03	4.163.147.738	3.813.692.365
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.163.147.738	3.813.692.365
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.04	1.158.734.544	1.029.496.465
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.270.971.874)	(1.196.375.016)
11. Thu nhập khác	31		-	65.680.000
12. Chi phí khác	32		97.500.000	14.889.356
13. Lợi nhuận khác	40	6.05	(97.500.000)	50.790.644
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.368.471.874)	(1.145.584.372)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.06	-	16.671.917
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.368.471.874)	(1.162.256.289)

Bắc Giang, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc


Đinh Ngọc San

Nguyễn Văn Quyết

Phạm Thị Thúy Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	2.046.269.300
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(5.902.074.871)	(10.307.345.810)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(955.254.037)	(1.161.186.236)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.611.740.000	6.809.478.342
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.259.758.600)	(5.150.042.108)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>494.652.492</i>	<i>(7.762.826.512)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.897	38.381
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>31.897</i>	<i>38.381</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		494.684.389	(7.762.788.131)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.01	1.345.574.387	8.240.945.075
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.01	1.840.258.776	478.156.944

Bắc Giang, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán


 Đinh Ngọc San


 Nguyễn Văn Quyết

Tổng Giám đốc


 Phạm Thị Thủy Hạnh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Lịch sử phát triển

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100511368, thay đổi lần thứ 25 ngày 14 tháng 06 năm 2018. Doanh nghiệp đăng ký chuyển sang Công ty cổ phần ngày 16 tháng 09 năm 2011.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: A CUONG MINERAL GROUP JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AC GROUP ., JSC.

Mã chứng khoán niêm yết: ACM

Trụ sở chính của Công ty: Thôn Gốc Gạo, Xã Cẩm Đàn, Huyện Sơn Động, Tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: (84-24). 37 635 999

E-mail: tapdoanacuong@gmail.com

Website: acuonggroup.vn

Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Bà Phạm Thị Thúy Hạnh - Tổng Giám đốc.

Vốn điều lệ và hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường là: **510.000.000.000 đồng** (Năm trăm mười tỷ đồng chẵn)

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là chế biến quặng đồng và tinh quặng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100511368 thay đổi lần thứ 25 ngày 14/06/2018, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô; Khai thác và thu gom than non, than cứng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất than cốc; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ liên quan đến in; in ấn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đại lý, môi giới; Dịch vụ vận tải;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại;

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2018, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường	Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang	Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-004 do Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 26/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31/03/2014;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường - Mỏ than Đồng Tân	Thôn Lái, xã An Bá, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-005 do Sở KH&ĐT tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 22/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/11/2012;
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Hà Nội	Số 5 Nguyễn Khắc Nhu, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-006 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/11/2015;
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường tại Hà Nội	Số 4 Lò Rèn, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số 0100511368-007 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/07/2017.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/06/2016 sửa đổi một số điều của thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/06/2016 sửa đổi một số điều của thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

101
3
H
T
C
T
1
N

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo Hợp đồng, kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- ❖ Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- ❖ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- ❖ Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- ❖ Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- ❖ Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư 147/2016 ngày 13/10/2016 sửa đổi một số điều của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5-50
Máy móc và thiết bị	3-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10
Tài sản cố định hữu hình khác	4-20



Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí đầu tư, mua sắm, chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay và các khoản chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- ❖ Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- ❖ Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí trích trước lãi tiền vay

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu B09a-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.833.635.758	1.333.195.247
Tiền gửi ngân hàng	6.623.018	12.379.140
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	1.362.266	4.573.504
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	1.249	1.249
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hà Thành	1.761.616	2.044.784
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Nam Hà Nội	1.085.820	2.322.439
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thanh Xuân	55.000	55.000
Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Hà Nội PGD Bà Triệu	937.329	1.261.881
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PGD Đống Đa	1.300.600	1.298.655
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - PGD Thụy Khuê	119.138	821.628
Cộng	1.840.258.776	1.345.574.387

5.02 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Thăng Long	11.919.872.800	2.213.442.000
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Thiên Phú Việt Nam	190.376.700	190.376.700
Công ty TNHH Kim loại màu Vũ Gia (*)	17.202.629.752	17.202.629.752
Công ty TNHH MTV Thương mại tổng hợp Xuất nhập khẩu Thảo Anh	128.453.800	128.453.800
Công ty TNHH Đầu tư phát triển DHA Hà Nội	52.683.743.350	52.683.743.350
Cộng	82.125.076.402	72.418.645.602

(*) Công ty thực hiện trích lập dự phòng 100% cho khoản phải thu Công ty TNHH Kim loại màu Vũ gia với số tiền 17.202.629.752 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.03 Trả trước người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty CP Tư Vấn Tài Nguyên và Môi Trường Việt Nam	915.000.000	565.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ BNC Việt Nam	5.500.000	5.500.000
Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT	407.000	-
Công ty TNHH Cơ Điện Đại Dương	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Bắc Giang	500.000.000	500.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán tại Hà Nội	-	66.000.000
Nhóm chuyên gia tư vấn tài chính	300.000.000	300.000.000
Cộng	1.820.907.000	1.536.500.000

5.04 Phải thu khác

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ngắn hạn	17.200.000.000	-	14.204.095.723	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>17.200.000.000</i>	-	<i>14.200.000.000</i>	-
Nguyễn Xuân Thanh	6.700.000.000	-	6.700.000.000	-
Phạm Thị Minh Nguyệt	3.000.000.000	-	-	-
Phạm Thị Thúy Hạnh	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	-	-	4.095.723	-
Nguyễn Thị Doan	-	-	13.077	-
Nguyễn Văn Hiền	-	-	200.000	-
Nguyễn Xuân Thanh	-	-	1.438.849	-
Phạm Thị Thúy Hạnh	-	-	1.563.316	-
Phạm Văn Tiến	-	-	400.000	-
Vũ Thị Thu Hiền	-	-	480.481	-
Dài hạn	43.484.000.000	-	43.484.000.000	-
Công ty Cổ phần Đô Linh (*)	43.484.000.000	-	43.484.000.000	-
Cộng	60.684.000.000	-	57.688.095.723	-

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0644603665 ngày 12/04/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An chứng nhận dự án Nhà máy sản xuất và chế biến quặng vàng gốc tại khu Tà Sỏi, xã Châu Hạnh, huyện Châu Quỳ, tỉnh Nghệ An đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường và Công ty Cổ phần Đô Linh

Tổng vốn đầu tư dự án là 330,22 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là 89,5 tỷ đồng, chiếm 27% tổng vốn đầu tư:

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường góp 80,55 tỷ đồng, chiếm 90% vốn góp;

+ Công ty Cổ phần Đô Linh góp 8,95 tỷ đồng, chiếm 10% vốn góp;

- Phần còn lại là vốn huy động để thực hiện dự án: 240,72 tỷ đồng

Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được nhận bàn giao mặt bằng.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.05 Hàng tồn kho

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	52.955.365.445	-	52.811.254.648	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.641.730.941	-	19.642.788.240	-
Thành phẩm	20.283.581.817	-	26.056.731.306	-
Cộng	100.880.678.203	-	98.510.774.194	-

Phần lớn giá trị Hàng tồn kho của Công ty đang theo dõi là giá trị sổ sách tồn từ năm 2016 trở về trước nên thấp hơn giá trị thị trường ở thời điểm hiện tại. Do đó Công ty chưa thực hiện đánh giá lại số dư hàng tồn kho theo giá trị thuần có thể thực hiện được và chưa cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

5.06 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí xây dựng hệ thống kê, đập	8.820.993.284	8.820.993.284
	46.682.316.936	46.682.316.936
Chi phí xây dựng "Nhà máy tuyển luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi công suất 500 tấn/ngày"		
Chi phí dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy luyện đồng công suất 1000 tấn/năm"	2.554.213.732	2.554.213.732
Cộng	58.057.523.952	58.057.523.952

5.07 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí trả trước dài hạn	698.144.860	887.110.809
Cộng	698.144.860	887.110.809

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG
Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.08 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị : VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2018	85.795.043.005	63.060.964.475	6.615.401.697	59.806.000	161.971.637.829	317.502.853.006
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2018	<u>85.795.043.005</u>	<u>63.060.964.475</u>	<u>6.615.401.697</u>	<u>59.806.000</u>	<u>161.971.637.829</u>	<u>317.502.853.006</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2018	12.449.090.816	25.999.716.631	4.032.423.220	59.806.000	27.803.683.492	70.344.720.159
Tăng trong kỳ	1.977.025.998	3.176.454.035	446.599.782	-	4.763.871.708	10.363.951.523
Khấu hao trong kỳ	1.977.025.998	3.176.454.035	446.599.782	-	4.763.871.708	10.363.951.523
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2018	<u>14.426.116.814</u>	<u>29.176.170.666</u>	<u>4.479.023.002</u>	<u>59.806.000</u>	<u>32.567.555.200</u>	<u>80.708.671.682</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2018	<u>73.345.952.189</u>	<u>37.061.247.844</u>	<u>2.582.978.477</u>	-	<u>134.167.954.337</u>	<u>247.158.132.847</u>
Tại ngày 30/06/2018	<u>71.368.926.191</u>	<u>33.884.793.809</u>	<u>2.136.378.695</u>	-	<u>129.404.082.629</u>	<u>236.794.181.324</u>



VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5.09 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị: VND

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (**)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (**)	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết						
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường (*)	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-	-
Cộng	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-	-

(*) Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường theo các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần:

- Hợp đồng chuyển nhượng số 1001/HĐCN.CP ngày 10/01/2014, Ông Nguyễn Xuân Thanh chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường số cổ phần là 150.000 cổ phần tại Công ty CP Tập đoàn khoáng sản Tam Cường, mệnh giá 100.000 đồng/01 cổ phiếu, tương đương 15 tỷ đồng;

- Hợp đồng chuyển nhượng số 1001/HĐCN.CP ngày 15/01/2015 Ông Nguyễn Xuân Thanh chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Á Cường số cổ phần là 350.000 cổ phần tại Công ty CP Tập đoàn Khoáng Sản Tam Cường, mệnh giá 100.000 đồng/01 cổ phiếu, tương đương 35 tỷ đồng;

Tổng tỷ lệ sở hữu là 25%;

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102264114 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/05/2007.

(**) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/06/2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, do Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 30/06/2018.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần ĐT TM và PT DV Nhất Long	368.242.000	368.242.000	368.242.000	368.242.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp nặng Thành Công	142.242.900	142.242.900	142.242.900	142.242.900
Công ty CP Đại Đồng Xuân	341.591.174	341.591.174	430.660.324	430.660.324
Công ty TNHH Ngọc Diệp	1.471.558.706	1.471.558.706	1.471.558.706	1.471.558.706
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Sài Thành	-	-	3.761.500.000	3.761.500.000
DNTN Dương Hải Anh	377.565.613	377.565.613	377.565.613	377.565.613
Phải trả người bán khác	163.931.113	163.931.113	1.345.427.542	1.345.427.542
Cộng	2.865.131.506	2.865.131.506	7.897.197.085	7.897.197.085

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị: VND			
	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2018
Phải nộp	3.976.630.172	937.507.917	148.747.600	4.765.390.489
Thuế giá trị gia tăng	2.628.916.805	784.199.548	-	3.413.116.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.203.787.245	-	-	1.203.787.245
Thuế thu nhập cá nhân	29.426.122	4.560.769	-	33.986.891
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí lệ phí, các khoản phải nộp khác	114.500.000	145.747.600	145.747.600	114.500.000
Cộng	3.976.630.172	937.507.917	148.747.600	4.765.390.489

5.12 Chi phí phải trả

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15.652.055.671	11.488.907.933
Cộng	15.652.055.671	11.488.907.933

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.13 Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội (*)	261.786.406	261.786.406
Bảo hiểm y tế (*)	39.565.398	39.565.398
Bảo hiểm thất nghiệp (*)	19.353.263	19.353.263
Phải trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016	25.500.000.000	25.500.000.000
Nguyễn Văn Hiền	21.000.000	21.000.000
Phạm Văn Tiến	149.000.000	119.000.000
Cộng	25.990.705.067	25.960.705.067

(*): Theo Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, tính đến ngày 05/07/2017 số còn phải nộp là 320.705.067 đồng.

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	17.037.325.908	33.037.594.449
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam -CN Tây Hồ	17.037.325.908	33.037.594.449
Vay dài hạn (**)	61.469.675.119	45.469.406.578
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam -CN Tây Hồ	61.469.675.119	45.469.406.578
Tổng	78.507.001.027	78.507.001.027

(*) Chi tiết hợp đồng vay ngắn hạn:

- Hợp đồng Hạn mức số 02/2013/HĐ ngày 02/12/2013, hạn mức vay 45.000.000.000 đồng; Mục đích vay: “Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất đồng tấm, khoáng sản đi kèm với khai thác than”; Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng; Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Hợp đồng số 01/2015/2635737/HĐTD ngày 18/12/2015, hạn mức vay 15.000.000.000 đồng; Mục đích vay: “Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh”. Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng; Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Hợp đồng số 01/2014/2635737/HĐTD ngày 27/06/2014, hạn mức vay 15.697.000.000 đồng;
Mục đích vay: “Bù đắp vốn ngắn hạn đã đầu tư vào Dự án mở rộng nhà máy tuyển và luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi và truyền từ tại nhà máy tuyển và luyện đồng huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”;
Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng;
Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

() Chi tiết hợp đồng vay dài hạn:**

- Hợp đồng số 01/2009/2635737/HĐTDTH ngày 24/11/2009, hạn mức vay 30.000.000.000 đồng;
Mục đích vay: “Thực hiện dự án đầu tư nhà máy tuyển và luyện đồng, công suất 1.550 tấn/năm giai đoạn II - Hòa luyện - Phần thiết bị của Công ty TNHH Tam cường”;
Tài sản thế chấp: Thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; Doanh thu từ dự án chuyển vào tiền gửi thanh toán mở tại chi nhánh; Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng;
Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay: 120 tháng;
Hợp đồng sửa đổi bổ sung điều khoản số 03/2014/2635737/HĐTD ngày 30/06/2014, trong đó điều chỉnh thời gian cho vay từ ngày nhận món vay đầu tiên đến ngày 31/12/2019.
- Hợp đồng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 25/03/2013, Hạn mức vay 3.700.000.000 đồng;
Mục đích vay: “Đầu tư dự án Mua 5 xe ô tô tải VOLVO phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty”;
Lãi suất thả nổi; Thời hạn vay 48 tháng.

201
N
AM

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VNĐ Cộng
<i>Kỳ kế toán 01/01/2017 đến 30/06/2017</i>				
Số dư tại 01/01/2017	510.000.000.000	1.800.000.000	30.091.126.597	541.891.126.597
Tăng trong kỳ	-	-	(1.162.256.289)	(1.162.256.289)
Lợi nhuận tăng/lỗ trong kỳ	-	-	(1.162.256.289)	(1.162.256.289)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2017	510.000.000.000	1.800.000.000	28.928.870.308	540.728.870.308
<i>Kỳ kế toán 01/01/2018 đến 30/06/2018</i>				
Số dư 01/01/2018	510.000.000.000	1.800.000.000	6.804.257.678	518.604.257.678
Tăng trong kỳ	-	-	(2.368.471.874)	(2.368.471.874)
Lợi nhuận tăng/lỗ trong kỳ	-	-	(2.368.471.874)	(2.368.471.874)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2018	510.000.000.000	1.800.000.000	4.435.785.804	516.235.785.804

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	510.000.000.000	510.000.000.000
Tổng	510.000.000.000	510.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	510.000.000.000	510.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối năm	510.000.000.000	510.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	51.000.000	56.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.000.000	51.000.000
Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.000.000	51.000.000
Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.824.028.000	11.279.689.000
Cộng	8.824.028.000	11.279.689.000

6.02 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	5.773.149.489	7.632.913.567
Cộng	5.773.149.489	7.632.913.567

6.03 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí lãi tiền vay	4.163.147.738	3.813.692.365
Cộng	4.163.147.738	3.813.692.365

6.04 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	671.975.383	615.036.791
Chi phí khấu hao TSCĐ	207.098.771	207.098.760
Thuế, phí, lệ phí	3.946.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.605.970	204.360.914
Chi phí khác bằng tiền	69.108.420	-
Cộng	1.158.734.544	1.029.496.465

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.05 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Thu nhập khác	-	65.680.000
Thu nhập khác	-	65.680.000
Chi phí khác	97.500.000	14.889.356
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	-	14.889.356
Chi phí phạt	97.500.000	-
Lợi nhuận/(lỗ) khác	(97.500.000)	50.790.644

6.06 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.368.471.874)	(1.145.584.372)
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	181.500.000	14.889.356
Thu nhập tính thuế	(2.186.971.874)	(1.130.695.016)
Thuế TNDN phải nộp	-	16.671.917
<i>Thuế TNDN Quý I/2017 phải nộp</i>	-	16.671.917
<i>Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)</i>	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	16.671.917

6.07 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	70.825.513	466.275.667
Chi phí nhân công	1.057.439.757	803.286.794
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.243.284.239	7.266.481.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	488.165.222	1.061.132.705
Chi phí bằng tiền khác	297.962.514	3.000.000
Cộng	9.157.677.245	9.600.177.026

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01 Giao dịch với các bên liên quan

Thông tin chung về các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường: Công ty liên kết

Ông Nguyễn Xuân Thanh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Phạm Thị Thúy Hạnh: Tổng Giám đốc

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tạm ứng		
Ông Nguyễn Xuân Thanh	6.700.000.000	6.700.000.000
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	7.500.000.000	7.500.000.000

Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	248.049.230

7.02 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán tại Hà Nội, Báo cáo soát xét độc lập số 01/2017 /BCKT/BCTC- CNCPAHANOI phát hành ngày 28 tháng 7 năm 2017 không đưa kết luận ngoại trừ.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán tại Hà Nội, Báo cáo kiểm toán độc lập số 07/2018/ CNCPAHANOI/BCKT-BCTC ngày 28/03/2018 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với khoản nợ được thanh toán bằng tiền mặt cho nhà cung cấp 4,8 tỷ đồng dẫn đến số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ là 480 triệu đồng, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế bị giảm đi tương ứng là 480 triệu đồng.

Ngoài ra Báo cáo này còn nêu Vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến việc trình bày số vốn điều lệ trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017 là 510 tỷ đồng, khác với số vốn điều lệ Công ty đang đăng ký là 560 tỷ đồng trên đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 ngày 14/12/2016.

7.03 Thông tin khác

Theo Kết luận thanh tra về bảo vệ môi trường và khoáng sản ngày 21/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty bị yêu cầu tạm dừng hoạt động do thực hiện không đúng một số nội dung theo quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Công ty chỉ được phép đi vào hoạt động trở lại khi đã thực hiện xong các công trình bảo vệ môi trường, được cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Việc xây dựng các công trình bảo vệ môi trường đã được Công ty thực hiện từ trước năm 2016, hiện tại đang trong giai đoạn hoàn thành để vận hành, chạy thử. Toàn bộ chi phí đầu tư đang được ghi nhận là Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và trình bày tại thuyết minh 5.06 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Bắc Giang, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc San

Nguyễn Văn Quyết

Phạm Thị Thúy Hạnh

